

QUYNH CUONG YEN ANH VAN LANG

DANH NHÂN

ĐẤT  
VIỆT

TẬP I

NHA XUAT BAN THANH NEN

# Ngô Thì Nhậm

G.S Vũ Khiêu

Đã 200 năm, từ ngày Ngô Thì Nhậm qua đời sau trận đồn thù tại sân Văn Miếu (1803). Sau hành động tàn nhẫn và bỉ ổi lấy, vua quan nhà Nguyễn tiếp tục lên án ông về tội "bất trung, bất hiếu".

Qua những trang sách cũ, đọc lại thơ ông, chúng ta thấy nổi lên những nét rất đậm đà và rục rờ về toàn bộ cuộc đời ông. Ta càng hiểu thêm những khát vọng lớn lao, những suy nghĩ thâm kín, những tâm sự đau thương phản ánh con người ông từ chiều sâu của tâm hồn. Thơ văn ấy là một bức tranh tuyệt đẹp vẽ lại cuộc đời ông, người đã đem hết trí lực và tài năng chiến đấu cho lợi ích của nhân dân, cho đạo lý của cuộc sống, cho vinh dự của Tổ quốc, cho phẩm giá của con người.

Ngô Thì Nhậm sinh ngày 25 tháng 10 năm 1746 tại làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông cũ (nay thuộc Hà Nội). Cha ông là Ngô Thì Sĩ, đậu tiến sĩ làm quan thời Lê Trịnh đồng thời là nhà sử học và nhà thơ. Các em ông đều học giỏi đỗ cao: Em rể ông là Phan Huy Ích, một trí thức nổi tiếng thời Tây Sơn. Người đương thời thường khen ngợi gia đình ông: "Họ Ngô một bề tiến sĩ". Không những gia đình đã từng đời đời đỗ đại khoa và nhận tước lộc cao của triều đình mà còn nổi tiếng về văn học được mọi người tôn vinh với danh hiệu Ngô gia văn phái.

Ngô Thì Nhậm 16 tuổi đã soạn quyển Nhị thập thất sử toát yếu. Năm 1765, ông đậu kỳ thi Hương, tiếp đến năm 1766, ông đỗ khoa sĩ vọng, được bổ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương. Công việc trước tác và sáng tác của ông thực sự bắt đầu từ giai đoạn này. Năm 1771, Ngô Thì Nhậm hoàn thành quyển Hải Đông chí lược, nghiên cứu mọi mặt về lịch sử và đời sống của vùng Hải Dương. Năm 1775, Ngô Thì Nhậm đi thi Hội, đỗ thứ năm hàng Tiến sĩ đệ tam giáp, được bổ Cấp sự trung Bộ Hộ. Năm 1776, được thăng Giám sát ngự sử đạo Sơn Nam, rồi thăng Đốc đồng trấn Kinh Bắc, năm sau lại kiêm luôn Đốc đồng Thái Nguyên. Năm 1779 Ngô Thì Nhậm chuyển sang làm Hiệu thư ở tòa Đông Các.

Làm án sát Hải Dương rồi làm đốc đồng hai trấn Bắc Ninh và Thái Nguyên, ông đã tỏ ra là một thanh niên lỗi lạc, văn võ kiêm toàn. Ngô Thì Sĩ đã từng viết về con: "Con ta lấy tài năng gặp được tao ngộ dị thường, lấy tâm cơ đáp ứng với ủy nhiệm khó khăn, lấy trung thành làm liều thuốc để gạt bỏ gian hiểm và làm tiêu tan khí lam chướng. Tướng sĩ trong một đạo đều tuân theo hiệu lệnh. Kẻ địch ngoài bờ cõi không lường biết được mưu cơ. Muôn khe, nghìn dặm không đâu cho là xa. Quân đội muôn bết thống nhất như một người. Bậc đại trượng phu văn, võ cùng đi đôi bằng phẳng và hiểm trở coi là một: thật là xứng đáng!". (Trích thư Ngô Thì Sĩ gửi cho con là Ngô Thì Nhậm).

Sĩ phu đương thời chê trách Ngô Thì Nhậm đã ít nghĩ đến vua Lê mà chỉ hết lòng với chúa Trịnh, sau lại bỏ cả Lê, Trịnh mà theo Tây Sơn như thế là bất trung. Người ta lên án ông đã đứng về phía Đặng Thị Huệ và "giết bốn bố" để làm chức thị lang, như thế là bất hiếu. Người ta phủ nhận những công hiến vĩ đại của Ngô Thì Nhậm đối với tổ quốc, với nhân dân; coi đó chỉ những hành động xu thời.

Trước tất cả những lời đả kích ấy, Ngô Thì Nhậm đã kiên quyết đi con đường của mình. "Ta hãy yên tĩnh lòng ta, giữ điều ản ước của ta. Khi việc làm của ta thuận với mệnh trời, thì đem cả thiên hạ bắc lên cân, cũng không cho là lớn.

Ta hãy giữ gìn thân ta, đi con đường rộng lớn của ta. Khi bước đi của ta thấy hợp với "lý", thì dù có dẫm lên đuôi hổ cũng không sao cả!".

(Vị chi phú).

Ngay từ khi đỗ tiến sĩ, Ngô Thì Nhậm đã được chúa Trịnh tin dùng. Là một thanh niên học rộng tài cao, ông luôn luôn nghĩ tới những việc lớn của quốc gia, làm thế nào để dân được ấm no, nước được giàu mạnh? Với tinh thần ấy, ông đã sống khác các sĩ phu đương thời, luôn luôn băn khoăn trước tình trạng kiệt quệ về kinh tế, rồi ren về chính trị, tan rã về tinh thần của thời Lê-Trịnh. Ông điều tra rất cụ thể tình hình các địa phương, luôn luôn gửi những lời kiến nghị lên chúa Trịnh, dù việc ấy có thể làm phật ý chúa. Ông xác định "làm người bề tôi thờ một ông vua, biết có thể làm được mà không làm, thế là bất trung. Đứng ở một triều có thể nói được, mà im lặng không nói thế là bất thành". Vì lòng trung thành với chúa Trịnh và trước hết là lòng trung thành với tổ quốc và với nhân dân, mà Ngô Thì Nhậm dám nói thẳng với chúa Trịnh về những sai lầm trong chính sách của triều đình.

Nhưng tất cả những kiến nghị của Ngô Thì Nhậm đều không được Trịnh Sâm chấp nhận. Trịnh Sâm lúc mới lên ngôi chúa đã làm được một số việc xuất sắc nhưng khi "bốn phương đã yên lặng, kho đụn lại sung túc, Sâm dần dần sinh ra xa xỉ, kiêu căng, cung tần thị nữ kén vào rất nhiều, ngày đêm mặc ý mua vui, không còn e lệ gì nữa" (Hoàng Lê nhất thống chí). Từ đó Triều đình ngày một mục nát, nhân dân ngày một đói khổ, các quan chức trong triều thì chia thành phe phái giữa những người ủng hộ Trịnh Tông và những người theo Đặng Thị Huệ và Trịnh Cán. Các sĩ phu đương thời chê trách Ngô Thì Nhậm đã đứng về phe Đặng Thị Huệ mà tố cáo âm mưu của bè lũ Trịnh Tông.

Lúc đó Trịnh Sâm đã ốm đau không còn sống được bao lâu nữa, Trịnh Tông (con lớn của Sâm) là đứa ngu xuẩn, tàn ác, bất tài, bất lực đã bị chính cha nó ghét bỏ. Nhân cách của nó, Ngô Thì Nhậm không thể không biết. Con nhỏ của Sâm là Trịnh Cán (con của Đặng Thị Huệ) lại tỏ ra thông minh khác thường và được Trịnh Sâm đặc biệt yêu quý nên lập làm thế tử. Trong trường hợp ấy nếu Ngô Thì Nhậm đứng về phía Đặng Thị Huệ và Trịnh Cán, thì theo lẽ giáo cũ ông vẫn là người tận trung với Trịnh Sâm. Đứng về lẽ phải, đó là một việc làm thức thời, vì ông biết đất nước không

thể trông mong gì được ở Trịnh Tông, tên bạo chúa sau này, còn đối với Trịnh Cán, ông rất có thể đem tài năng của Y Doãn và Vũ Hầu ra giúp ấu chúa.

Năm 1782, Trịnh Sâm mất, kêu binh phé Trịnh Cán lập Trịnh Tông lên ngôi chúa. Thấy tình hình Thăng Long phức tạp, Ngô Thì Nhậm bỏ về sống ở quê vợ, vùng Sơn Nam trong vòng sáu năm. Ông đã hoàn thành tác phẩm khảo cứu Xuân Thu quản kiến và tập thơ Thủy vân nhàn vịnh trong thời gian này.

Năm 1786 Nguyễn Huệ ra Bắc đánh đổ nhà Trịnh rồi trả lại đất nước cho vua Lê.

Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai và trong một thời gian rất ngắn vị anh hùng này đã bộc lộ tài năng và khí phách trong việc phù Lê diệt Trịnh, rất xứng đáng là người ông vẫn mong mỏi và chờ đợi. Ông quyết tâm tìm đến tới Nguyễn Huệ và tin tưởng rằng việc làm của mình là đúng. Khác hẳn với các sĩ phu đương thời, ông dứt bỏ những ràng buộc về giai cấp và nhận thức, đi hẳn với phong trào Tây Sơn và trung thành tuyệt đối với người anh hùng áo vải.

Cuộc gặp gỡ giữa Quang Trung và Ngô Thì Nhậm là một cuộc gặp gỡ kỳ diệu giữa người trí thức lỗi lạc với người anh hùng kiệt xuất. Có thể nói Ngô Thì Nhậm là người duy nhất đã hiểu rõ Quang Trung, và Quang Trung cũng là người duy nhất đã hiểu hết được tài năng và phẩm chất của Ngô Thì Nhậm. Quang Trung tuyên bố "Ngô Thì Nhậm vừa là bầy tôi, và là khác" coi ông như là người đáng tin cậy nhất và giao ngay những công việc rất quan trọng. Ngay từ buổi đầu, Quang Trung đã phong Ngô Thì Nhậm là Tả thị lang Bộ lại, nghĩa là phụ trách toàn bộ công việc tổ chức và cán bộ trong nội bộ của mình. Ngay buổi đầu đó, Ngô Thì Nhậm đã lập tức gọi em rể là Phan Huy Ích viết thư cho bạn là Trần Bá Lãm, giới thiệu một loại trí thức có tài, có đức về với Quang Trung.

Cuộc rút quân về Tam Điệp là một sách lược kiệt xuất nói lên trình độ mưu trí và cực kỳ sáng tạo của Ngô Thì Nhậm. Lúc đó các tướng võ như Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân chỉ có biết đánh, còn Nguyễn Văn Duyệt thì chỉ muốn lặp lại kinh nghiệm của Lê Lợi ngày xưa là mai phục. Ngô Thì Nhậm đã bác bỏ cả hai ý kiến đó, so sánh lực lượng của hai bên, vạch ra sự khác nhau cơ bản của hoàn cảnh lúc bấy giờ và hoàn cảnh của thời Lê Lợi khi xưa, nêu lên ý nghĩa của "toàn quân rút lui không bị mất một mũi tên, cho nó ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi" (Hoàng Lê Nhất Thống chí). Sách lược rút lui này hoàn toàn phù hợp với ý của Quang Trung và đã tạo điều kiện hết sức quan trọng để Quang Trung đánh bại quân Thanh.

Sau khi đất nước được giải phóng. Quang Trung rút về Phú Xuân để Ngô Thì Nhậm ở ngoài Bắc và giao cho toàn quyền đảm đương công việc ngoại giao với nhà Thanh. Ngô Thì Nhậm lại phát huy óc sáng tạo của mình. Trong việc tiếp xúc với vua quan nhà Thanh cũng như trong việc giao dịch bằng thư từ, Ngô Thì Nhậm vừa cương quyết, vừa linh hoạt, vừa nêu cao chủ quyền dân tộc, vừa giữ tình hòa hiếu giữa hai

nước. Với tài ngoại giao, Ngô Thì Nhậm đã góp phần ngăn chặn được cuộc tấn công trả thù của nhà Thanh, miễn được lễ cống người, vàng, đòi nốt những tỉnh ở vùng Tây Bắc, yêu cầu phong vương cho Quang Trung, củng cố lòng quý trọng của vua nhà Thanh đối với Quang Trung. Ngô Thì Nhậm đã thực hiện rạch rỡ nhiệm vụ của Quang Trung giao phó đúng với tinh thần:

"Chiến hòa do ta định đoạt

Thân thiện để người cùng vui"

Ngô Thì Nhậm chỉ cộng tác với Quang Trung có năm năm. Vị anh hùng kiệt xuất của dân tộc đã từ trần quá sớm. Đó là sự tổn thất không gì bù đắp được của nhân dân ta thời kỳ bấy giờ. Đó cũng là nỗi đau xót nhất của Ngô Thì Nhậm.

Vua mới còn ít tuổi, công việc quốc gia bị Bùi Đắc Tuyên, cậu ruột của vua nắm hết. Triều đình Tây Sơn ngày một suy vong, Ngô Thì Nhậm mặc dầu tuổi già, sức yếu vẫn cố gắng phục vụ triều Tây Sơn, vừa lo lắng cho vận mệnh của đất nước. Không có cách gì để thuyết phục vua Quang Toản nghe theo mình, ông đã rất đau buồn lo âu.

Thời kỳ này, Ngô Thì Nhậm đã viết cuốn sách lý luận về Phật giáo nhan đề Trúc Lâm tôn chỉ nguyên thanh. Trong tập này, Ngô Thì Nhậm đã phát huy cao hơn nữa tư tưởng của cha mình. Ngô Thì Sĩ, cha ông ngày xưa cũng đã từng muốn thống nhất cả Khổng giáo, Phật giáo và Lão giáo vào một nguồn gốc (tam giáo nhất nguyên). Hòa hợp đạo Phật và đạo Nho. Ngô Thì Nhậm đã trình bày những kiến thức rất uyên bác với những lý lẽ rất chặt chẽ của mình. Ông đã để lại một di sản văn chương đồ sộ gồm trên 600 bài thơ và 15 tác phẩm lớn.

Điều đáng quý ở Ngô Thì Nhậm là trong giai đoạn suy vong của triều Tây Sơn, ông vẫn giữ nguyên vẹn một tấm lòng thủy chung son sắt, luôn luôn tìm mọi cách củng cố triều đại, phục vụ tổ quốc và nhân dân.

Trong tình hình phức tạp và suy thoái này của nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh sau khi chiếm lại miền Nam, đã kéo quân ra Bắc, tiêu diệt triều đại Tây Sơn và chấm dứt cuộc đời của Ngô Thì Nhậm bằng một trận đờ thù ở sân Văn Miếu.

Trong suốt cuộc đời mình, Ngô Thì Nhậm đã chứng kiến không biết bao nhiêu sự thay đổi từ Nam chí Bắc. Hàng chục vua, chúa được dựng lên rồi bị đánh đổ. Cuộc đấu tranh giành giật quyền vị đất đai, diễn ra liên tiếp trong hàng ngũ phong kiến. Phong trào nông dân mà đỉnh cao nhất là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã tràn ngập khắp nơi như vũ bão. Sự vùng dậy của dân tộc đã đánh tan 20 vạn quân xâm lược. Tất cả những sự kiện to lớn ấy đã thu gọn trong cuộc đời 57 năm của Ngô Thì Nhậm.

Thời thế luôn thay đổi nhưng bản chất con người tri thức chân chính ấy không thể thay đổi. Dù ở với Lê, Trịnh hay với Tây Sơn, dù trong lúc giữ những trọng trách lớn của lịch sử hay lúc sa cơ trước mặt quân thù, Ngô Thì Nhậm đã giữ nguyên vẹn những phẩm chất cao quý của mình. Đó là lòng yêu nước, yêu dân, là đầu óc suy nghĩ sáng tạo, là sự đấu tranh đến cùng cho chính nghĩa. Cho nên thời thế dù Xuân thu hay Chiến quốc, dù hưng thịnh hay suy vong, trong thành công hay thất bại, Ngô Thì Nhậm đã sống như thế và chỉ có thể sống như thế.

(Tạp chí Thăng Long Hà Nội ngàn năm - Số 12/2003)

## Phù Đổng Thiên Vương Di tích & huyền thoại

Trần Thị Vân Anh  
Trưởng phòng VHHT  
TDTT huyện Gia Lâm

Bạn có thể thăm viếng tượng đài "Thánh Gióng" ở đâu đó, nhưng xin chú ý nơi chôn nhau cắt rốn của Người. Gióng - Phù Đổng tên của người anh hùng cũng chính là tên của một địa danh có thật.

Phù Đổng, đó là một vùng đất nằm kề bên bờ tả ngạn sông Đuống, trước đây thuộc phủ Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội, cách trung tâm Hồ Gươm hơn 10 km theo đường chim bay.

Theo truyền thuyết, Phù Đổng là nơi sinh ra Thánh Gióng. Mẹ Gióng ướm bước chân thàn ở vườn cà mà sinh ra. Thời Hùng Vương thứ sáu, giặc Ân xâm lược nước ta, Gióng lên ba, thoát nói, thoát cười, thừa mẹ đòi sứ giả vào, xin nhà Vua sắm cho ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt. Vua Hùng cho người mang đến.

Sau "Bảy nong com, ba nong cà. Ưông một hơi nước cạn đà khúc sông". Gióng vươn vai cao lớn khác thường, mặc giáp sắt, cầm roi sắt, lên ngựa sắt. Ngựa sắt phun lửa xông vào quân giặc. Trận chiến đấu ác liệt, roi sắt gãy, Gióng nhổ cả bụi tre đằng ngà đánh giặc. Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa lên núi Sóc Sơn bái vọng Mẹ rồi bay về trời.

Theo tục truyền, cứ đến ngày 9/4 âm lịch hàng năm, dân làng lại tổ chức lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc. Qua các diễn xuất trong hội lễ, người ta có thể liên tưởng những bài học về chiến tranh nhân dân, suy ngẫm cách nhìn kẻ thù, hiểu thêm về thẩm mỹ truyền thống, cũng như đạo lý ứng xử con người trong tiến trình lịch sử...

Có rất nhiều người viết về Phù Đổng Thiên Vương, về cả thần tích, di tích và lễ hội. Song, rõ ràng rằng từ xưa đến nay chưa có một ai để tâm giải mã những hiện tượng văn hóa liên quan đến Đức Thánh Phù Đổng. Chúng ta hiểu rằng Đức Thánh Phù Đổng Thiên Vương là một trong "Tứ bất tử". Trong "Tứ bất tử" này của người Việt thì rõ ràng chỉ chấp nhận Đức Thánh Phù Đổng và Tản Viên Sơn thánh là tư

cách của anh hùng văn hóa đích thực còn Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh chỉ là những vị thần về sau mang yếu tố của các thần linh không phải dạng anh hùng văn hóa vì Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh là những vị thần đã được quan tâm tới và đề cao ở thời kỳ sử đã thành văn. Đức thánh Phù Đổng Thiên Vương và Tản viên sơn thánh là những người được nảy sinh từ thời cổ đại, tiền sử.

Ở đây chúng ta hiểu rằng trong quá trình phát triển của cư dân Việt, các vị anh hùng văn hóa thường được gắn với các sự kiện rất lớn của người Việt. Nếu như chúng ta biết rằng Đức thánh Tản Viên ở tận vùng núi cao xa, Ngài là bạn thân của Thủy Tinh nhưng ở đây "Sơn thủy hữu tình". Đến khi người Việt lùi xuống phía dưới, biết đắp đê ngăn lụt thì lúc đó Tản Viên mới trở thành có tính chất là kẻ thù đối với Thủy Tinh mà biểu hiện bằng sự kiện lấy con gái vua Hùng. Đó là một hiện tượng sử hóa các anh hùng văn hóa. Nhưng khi đã xuống đến châu thổ cao giáp với châu thổ thấp thì người Việt lúc đó chủ yếu sử dụng công cụ bằng đồ đồng, đồ đá. Nhưng vì công cụ này không có cách nào mà khai phá được những châu thổ thấp và đến lúc này người ta phát hiện ra đồ sắt và chỉ có đồ sắt mới có khả năng chặt được những cây lớn và khai phá những rừng rậm ở châu thổ thấp, đầm lầy mà thôi. Chính do phát hiện ra đồ sắt và thấy sức mạnh của sắt vô cùng to lớn như thế nên sức mạnh này được hội tụ và nhân cách hóa để trở thành một vị thần vĩ đại. Vị thần vĩ đại ấy đã góp phần tạo nên sức mạnh, đại diện cho sức mạnh của dân tộc khai phá châu thổ thấp. Và, người Việt chỉ có thể trở thành một quốc gia, một dân tộc đầy đủ khi đã khai phá châu thổ Bắc Bộ. Cũng chính từ vùng thấp này, người Việt mới tạo đà để phát triển, đề ra đi tiến tới một đất nước to lớn, thống nhất của cộng đồng như ngày nay. Như vậy chúng ta hiểu rằng Đức thánh Phù Đổng Thiên Vương đã đánh dấu một bước phát triển đặc biệt của dân tộc chúng ta ở thời kỳ sơ sử, tiền sử. Và, chỉ có từ Ngài mà chúng ta mới phát triển lên được, đặc biệt là phát triển nông nghiệp. Ở đây với công cụ đồ sắt được quy tụ vào cái gậy của Ngài, khi Ngài cầm gậy đi đánh giặc. Đó là một cuộc trường chinh về sản xuất, một cuộc trường chinh với sức mạnh của đồ sắt buổi đầu khai phá châu thổ Bắc Bộ. Đây là một vị trí tiếp giáp giữa châu thổ cao với châu thổ thấp để nói lên bước phát triển của dân tộc...

Ở đây chúng ta còn thấy một đặc điểm khác nữa là trong lễ hội có rất nhiều tục lệ đi theo nhưng đáng quan tâm là ở chỗ con ngựa trắng và ông hiệu cờ là quan trọng nhất. Khi chúng ta thấy có 28 thiếu nữ tượng trưng cho tướng giặc, thực chất tượng trưng cho tinh tú. Mà sử dụng những cô bé còn ngây thơ là biểu hiện hồn nhiên như bầu trời. Người Việt lấy thờ Mẫu làm trọng thì sự ngây thơ ấy cũng xuất phát từ nữ giới. Đó là một ý kiến. Song, ý kiến này đáng được tin theo, ý kiến khác là người ta đi rước vào giữa trưa và rước ngựa trắng đi và chỉ ngựa trắng thôi. Ngựa trắng là "Bạch Mã" tượng trưng cho sức mạnh linh khí của trời và tượng trưng cho phương Đông, cho mặt trời, cho nên khi rước, người ta cầu cho có được sinh khí tràn về cho trần gian, cho muôn loài sinh sôi. Và, trong tục lệ của người dân ở đây, nhiều người tin rằng khi rước ngựa trắng ra thì trời bao giờ cũng nổi gió. Có nghĩa là trời ứng vận vào người "Thiên nhân hợp khí" mà tạo cho khí thiêng của trời tràn về trần gian. Và, khi rước về thì sinh khí đó nó hội tụ vào lá cờ đỏ. Lá cờ đỏ là của ông hiệu cờ. Màu đỏ là màu của sinh khí, màu của sức sống. Màu đỏ gắn với thần linh. Cái màu ấy có tràn về thì muôn loài mới phát sinh phát triển được. Cho nên vai trò của ông hiệu cờ là rất quan trọng. Múa cờ đỏ là nói lên cái vận động sinh khí của bầu trời. Trong vận động sinh khí ấy, ông hiệu cờ đạp lên ba cái bát - tượng trưng cho "Tam sơn". Thông qua "Tam sơn" mà sinh khí tràn xuống đất và nước. Chỉ có thế thì sức sống mới được phát triển và cái ước vọng qua ngày hội mới trở thành ước vọng được mùa, ước vọng của phồn thực, ước vọng của sự no đủ. Và, chính qua nhận thức của người xưa đối với Phù Đổng Thiên Vương - một uy lực siêu phàm như vậy thì người xưa đã quan tâm

đến nơi thờ của Ngài.

Nơi thờ là đền Phù Đổng Thiên Vương. Ngôi đền này còn để lại rất nhiều dấu ấn mà chúng ta cần phải trân trọng. Khi nghệ thuật của người Việt trở lại với dân gian tức là vào thế kỷ XVI, những viên gạch rỗng và hoa thể hiện rất rõ rệt ở đền Phù Đổng.

Chúng ta hãy đi qua những di tích ở Phù Đổng có liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.

Đền Thượng: Đền thờ Thánh Gióng. Theo truyền thuyết, đền đã có từ thời Hùng Vương và được dựng trên nền nhà cũ của mẹ Gióng. Đến cuối thế kỷ XI, Lý Thái Tổ cho tu bổ thêm và ra lệnh tổ chức hội Gióng. Đền sát đê, được bố cục theo hình chữ "Công", quy mô rộng rãi.

Trước sân, ngay sát chân đê có ao rộng, có tên ao Rối, nơi hàng năm có tổ chức múa rối nước vào ngày hội. Trong ao, dưới bóng cây đa cổ thụ cành lá sum suê là ngôi thủy đình xinh xắn. Thủy đình được dựng theo kiểu "mái chông" từ thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) với nhiều bức chạm tinh vi trên gỗ, mà đề tài là những cảnh sinh hoạt dân gian: người chăn dê, người thổi ống xì đồng... Thủy đình mang nhiều yếu tố dịch học mà trên đó những mảng chạm nói lên những ước vọng của dân chúng.

Đó là hai hình ảnh nói lên người quân tử lấy cái trí thức làm đầu, nếu không có trí thì con người đi vào ngu tối mà sự vô minh, ngu tối thì đồng nghĩa đồng thời là mầm mống của tội ác. Thông qua đó thấy rằng, người xưa dạy phải lấy cái trí tuệ làm đầu, nhờ có trí tuệ mà đi vào thiện tâm.

Qua sân gạch đến Nghi môn khá cao mới được xây vào cuối thế kỷ XIX. Phía trước có đôi rồng đá nét chạm hơi thô nhưng rất khỏe, bên dưới có dòng chữ khắc cho biết niên đại tạo tác của rồng vào năm Ất Dậu niên hiệu Vĩnh Thịnh, tức năm 1705 dưới triều Vua Lê Dụ Tông. Phía sau có đôi sư tử đá cũng làm vào năm đó.

Tiếp đến là nhà Thiêu hương (đốt hương), cấu tạo giống Thủy đình nhưng nhỏ hơn, lợp bằng ngói kích tác khá lớn (20cm x 30cm).

Liên nhà Thiêu hương là hai nhà Tiền tế khá rộng. Nhà ngoài do Diên Quận công Nguyễn Huy (1610-1675), người làng Phù Dực, cạnh xã Phù Đổng đứng ra xây dựng. Nhà bên trong do Đặng Công Chất, người chính làng Phù Đổng, đỗ Trạng nguyên năm 1661, đứng ra hưng công, đáng chú ý ở đây là 39 viên gạch với kích tác 30 x 20 x 10 (cm), mỗi viên đều chạm khắc hình rồng. Những viên gạch này được lát ở bậc thềm vào cung. Hai ngôi nhà ba gian phía đông do Đặng Thị Huệ, chúa Trịnh Sâm (thế kỷ XVIII) cung tiến.

Trong hậu cung 12 gian có tượng Thánh Gióng cao 3m, hai bên có sáu tượng quan văn, quan võ, hai phỗng quỷ và bốn viên hầu cận "Tứ trấn".

Kiến trúc đền không có gì đặc biệt, nhưng đáng chú ý là những đầu bẩy còn lưu lại được những mảng chạm vào thời Hậu Lê.

Đền còn lưu được cả thảy 21 đạo sắc phong, đời Lê 12 đạo, đời Tây Sơn 3 đạo, đời Nguyễn 6 đạo. Cũ nhất là sắc phong Đức Long năm thứ 5 (1634).

Trong Đền, còn nhiều hiện vật có giá trị: chiếc ngai thờ từ thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) chạm trổ tinh vi; đôi chim mang nghệ thuật Trung Hoa do Đặng Thị Huệ, cung tiến, bình hương, nghệ đồng, hai thanh kiếm, câu đối do anh em thi hào Nguyễn Du cung tiến năm 1818. Bên Đền có một bia đá rất đẹp, cũng là một hiện vật hiếm thấy tại các ngôi đền khác ở nước ta.

Đền Hạ: đền nằm ngoài đê, ở phía đông đền Thượng, đền là nơi thờ mẹ Thánh Gióng, cũng gọi là Thánh Mẫu. Trước kia, Thánh Mẫu được thờ chung với Thánh Gióng ở đền Thượng. Đến năm Chính Hòa thứ 4 (1683), Thánh Mẫu mới thờ ở đền riêng tại thôn Ngô Xá. Mười năm sau đền lại được thiên về gần chùa Giếng (chùa Tập



Phúc), tại chỗ hiện nay. Đền hiện còn lưu giữ được một số hiện vật có giá trị: đôi phỗng đá, một bộ dài bạc, hai bình hương đá...

Miếu Ban: ở phía tây đền Thượng, trong xóm Ban, tên chữ là Dục Linh Từ. Miếu thờ Thánh Mẫu. Tương truyền đây là nơi Gióng ra đời, do đó còn có tên là "Trài Nòn". Miếu lợp ngói cổ hình mũi hài. Sau Miếu là giếng Bát Nhữ trì (ao tám vú) giữa giếng nổi lên một gò đất con xinh xắn. Truyền rằng, Thánh Gióng ra đời trên sập hiện đặt ở đảo này, sau đó được tắm trong chậu đá cũng đặt ở đây. Ngoài ra, còn có một liềm đá mà người đá mà người ta đã xem là dao cắt rốn cho Thánh Gióng, nhưng liềm hiện nay không còn nữa.

Cổ viên: Theo truyền thuyết, cổ viên (vườn xưa), cũng gọi là "vườn rau", là nơi mẹ Gióng đến hái rau rồi ướm chân mình vào chân người Khổng Lồ, do đó mà mang thai sinh ra Gióng. Ở đây có một nhà nhỏ gọi là "cây hương", bên cạnh là hòn đá lớn hình thù đặc biệt với nhiều nét lồi lõm được xem là dấu chân của Người Khổng Lồ. Còn một tấm bia mang dòng chữ "Đồng Viên Thánh Mẫu cổ trạch" (Nhà xưa của Thánh Mẫu trong vườn Đồng).

Giá Ngự: Ở đây có hai cột trụ và một bệ xây vào đầu thế kỷ XX. Vào ngày hội đền, dân làng kéo ngựa thờ, gọi là ông giá, từ đền Thượng đến đây trông ra khu soi bia cạnh Đền Hạ nơi điệu múa cờ được biểu diễn.

Mộ Trần Đô Thống: Mộ ở xóm Vận Hang, trước đền Thượng. Tục truyền Đô Thống là một tướng của Thánh Gióng, người Phù Dục cầm đạo tiên phong trong đoàn quân chống giặc Ân. Mộ được xây bằng gạch giữa một khu rộng ngoài bãi sông.

Hàng năm, từ mùng 6 đến mùng 9 tháng 4 âm lịch, dân địa phương lại tổ chức hội Gióng, ngày lễ chính là ngày mùng 9. Trước ngày này, dân làng đã tổ chức nhiều trò chơi: Vật, chọi gà, đánh cờ, hát, đặc biệt là hát ả lao - một tục rất cổ. Trong ngày lễ lớn vui nhất là trò diễn trận, rước kiệu, múa cờ, chia phe diễn lại sự tích Thánh Gióng đánh giặc Ân.

Nhân vật anh hùng Gióng đã trở thành biểu tượng của sức mạnh và lòng yêu nước Việt Nam. Hội Gióng là một đỉnh cao của sinh hoạt văn hóa cổ truyền Việt Nam. Vì thế, người Việt Nam xưa và nay vẫn nhắc nhau lời răn:

"Ai ơi mông chín tháng tư,

Không đi hội Gióng cũng hư mất đời"

Không chỉ là Làng Phù Đổng. Trong khu vực Đền Hùng ở Vĩnh Phúc, có Đền Thượng, tức "Cửu trùng tiên điện" được dành để thờ Thánh Gióng. Làng Vệ Linh ở huyện Sóc Sơn, phía bắc thủ đô Hà Nội, nơi tương truyền Gióng đã trút giáp để cùng ngựa về trời, cũng có đền thờ Gióng, được nhà nước quân chủ tặng danh hiệu lớn: "Xung thiên Thần vương".

(Tạp chí Thăng Long Hà Nội ngàn năm - Số 13/2003)

**Trần Nhân Tông, một ông Vua-Phật**

Trần Trương

Chẳng phải siêu nhân do truyền thuyết thêu dệt, một con người có thật trong lịch sử bằng xương bằng thịt, sinh ra và lớn lên tại kinh đô Thăng Long. Sau khi đã hoàn thành sự nghiệp vẻ vang; đánh đuổi ngoại xâm, đem lại quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc cho muôn dân Đại Việt, đã từ bỏ ngai vàng, vào Yên Tử tu hành rồi hiển Phật... Đó là Đức Vua Trần Nhân Tông - một Hoàng Đế minh quân kỳ tài, góp phần tô thêm trang sử vàng chói lọi của dân tộc thời nhà Trần, tạo lập đỉnh cao nền văn minh Đại Việt.

Triều đại nhà Trần kéo dài 175 năm, từ năm 1225 đến năm 1400 và trải qua 14 đời vua. Trần Nhân Tông là đời vua thứ 3, sau ông nội là vua Trần Thái Tông và vua cha là Trần Thánh Tông.

Ngài sinh ngày 7 tháng 12 năm 1258, tức vào ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ và mất ngày 16 tháng 11 năm 1308 tức vào ngày 03 tháng 11 năm Mậu Thân.

"Khi đức vua sinh ra, được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, gọi là kim Tiên Đồng Tử, ở vào bên tả có nốt ruồi đen" (1).

Thưở nhỏ, nhà vua thường theo vua cha lên chơi núi Yên Tử, sớm bộc lộ chí xuất gia tu hành.

Năm 21 tuổi, Ngài được vua cha truyền ngôi báu (1297) và đã làm vua suốt 14 năm trời. Vì là bậc minh quân có biệt tài kinh bang tế thế, Ngài có công lớn trong việc lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống Nguyên Mông thắng lợi, xây dựng đất nước phồn vinh.

Mười lăm năm ở ngôi Thái Thượng Hoàng, cũng là mười lăm năm vua Nhân Tông tu hành và hiển Phật.

"Thế tôn bỏ ngai vàng quý báu, nửa đêm vượt thành, bỏ áo rồng cao sang, non xanh cắt tóc, mặc chim thước làm tổ trên đỉnh đầu, mặc con nhện chằng tơ trên vai cánh, tu pháp tịch diệt để tỏ đại chân như, dứt cõi trần duyên mà thành bậc chính giác. Đức tổ ta là Điều Ngự Nhân Tông Hoàng đế ra khỏi cõi trần, thoát vòng tục lụy, bỏ chốn cung vua ra giữa sơn môn..."

Vua Trần đi tu, không phải để trốn đời, yếm thế, mà đi tu để nhập thế, cứu đời. Có điều, nhà vua không phải cứu đời theo kiểu của một ông Vua, mà là theo kiểu của thánh nhân.

Làm vua chỉ chặn dân trăm họ. Làm Phật cứu độ cả muôn loài bởi. Bởi vậy, tấm gương Vua Phật tuy ẩn mà lại hiện, tuy mờ mà lại sáng. Ngài bút khỏi cái bình thường để vượt lên trở thành cái phi thường.

Bởi thế, hàng ngàn năm qua, bao triều đại thịnh suy trị vì đất nước này, bao người đã làm vua. Song có ai được nhân gian ngưỡng vọng, tôn thờ như Vua Phật Nhân Tông?

Vua Trần đi tu, không để tự biến mình thành lính gác biên thùy như lời nhận định của Hải Lượng Thiên sư - người tự coi mình là đệ tử Tổ Trúc Lâm vào thế kỷ 18: